

TỔNG HỢP KINH PHÍ THU HỒI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CỦA ĐƠN VỊ DỰ TOÁN THUỘC NGÂN SÁCH CẤP TỈNH  
THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc)

| TT       | Đơn vị                                                       | Thu hồi nộp<br>Ngân sách<br>cấp tỉnh<br>(Triệu đồng) | Trong đó                 |                         |                                                        |                      |                                      |                                     |                      |                                                |                                                 |
|----------|--------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|--------------------------|-------------------------|--------------------------------------------------------|----------------------|--------------------------------------|-------------------------------------|----------------------|------------------------------------------------|-------------------------------------------------|
|          |                                                              |                                                      | Quản<br>lý hành<br>chính | Sự<br>nghiệp<br>kinh tế | Sự<br>nghiệp<br>giáo dục,<br>đào tạo<br>và dạy<br>nghề | Đảm<br>bảo xã<br>hội | Sự<br>nghiệp<br>văn hóa<br>thông tin | Sự<br>nghiệp<br>thể dục<br>thể thao | Sự<br>nghiệp<br>y tế | Sự<br>nghiệp<br>khoa<br>học và<br>công<br>nghệ | Sự<br>nghiệp<br>phát<br>thanh<br>truyền<br>hình |
|          | <b>Tổng cộng (Chi thường xuyên kinh<br/>phí giao tự chủ)</b> | <b>10.248</b>                                        | <b>67</b>                | <b>826</b>              | <b>7.756</b>                                           | <b>90</b>            | <b>321</b>                           | <b>118</b>                          | <b>678</b>           | <b>38</b>                                      | <b>355</b>                                      |
| <b>1</b> | <b>Đài Phát thanh-Truyền hình tỉnh</b>                       | <b>355</b>                                           |                          |                         |                                                        |                      |                                      |                                     |                      |                                                | <b>355</b>                                      |
| <b>2</b> | <b>Sở Công thương</b>                                        | <b>43</b>                                            | <b>17</b>                | <b>26</b>               |                                                        |                      |                                      |                                     |                      |                                                |                                                 |
|          | Văn phòng Sở                                                 | 17                                                   | 17                       |                         |                                                        |                      |                                      |                                     |                      |                                                |                                                 |
|          | Trung tâm Phát triển công thương                             | 26                                                   |                          | 26                      |                                                        |                      |                                      |                                     |                      |                                                |                                                 |
| <b>3</b> | <b>Sở Khoa học và Công nghệ</b>                              | <b>80</b>                                            |                          | <b>42</b>               |                                                        |                      |                                      |                                     |                      | <b>38</b>                                      |                                                 |
|          | Trung tâm Ứng dụng và đổi mới sáng<br>tạo                    | 38                                                   |                          |                         |                                                        |                      |                                      |                                     |                      | 38                                             |                                                 |
|          | Trung tâm Hạ tầng số và an toàn thông<br>tin                 | 13                                                   |                          | 13                      |                                                        |                      |                                      |                                     |                      |                                                |                                                 |
|          | Trung tâm Hỗ trợ chuyển đổi số                               | 29                                                   |                          | 29                      |                                                        |                      |                                      |                                     |                      |                                                |                                                 |
| <b>4</b> | <b>Sở Nội vụ</b>                                             | <b>165</b>                                           | <b>17</b>                | <b>59</b>               |                                                        | <b>90</b>            |                                      |                                     |                      |                                                |                                                 |

| TT       | Đơn vị                                                     | Thu hồi nộp<br>Ngân sách<br>cấp tỉnh<br>(Triệu đồng) | Trong đó                 |                         |                                                        |                      |                                      |                                     |                      |                                                |                                                 |
|----------|------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|--------------------------|-------------------------|--------------------------------------------------------|----------------------|--------------------------------------|-------------------------------------|----------------------|------------------------------------------------|-------------------------------------------------|
|          |                                                            |                                                      | Quản<br>lý hành<br>chính | Sự<br>nghiệp<br>kinh tế | Sự<br>nghiệp<br>giáo dục,<br>đào tạo<br>và dạy<br>nghề | Đảm<br>bảo xã<br>hội | Sự<br>nghiệp<br>văn hóa<br>thông tin | Sự<br>nghiệp<br>thể dục<br>thể thao | Sự<br>nghiệp<br>y tế | Sự<br>nghiệp<br>khoa<br>học và<br>công<br>nghệ | Sự<br>nghiệp<br>phát<br>thanh<br>truyền<br>hình |
|          | Trung tâm Dịch vụ việc làm                                 | 90                                                   |                          |                         |                                                        | 90                   |                                      |                                     |                      |                                                |                                                 |
|          | Văn phòng Sở                                               | 17                                                   | 17                       |                         |                                                        |                      |                                      |                                     |                      |                                                |                                                 |
|          | Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh                             | 59                                                   |                          | 59                      |                                                        |                      |                                      |                                     |                      |                                                |                                                 |
| <b>5</b> | <b>Sở Nông nghiệp và Môi trường</b>                        | <b>653</b>                                           |                          | <b>653</b>              |                                                        |                      |                                      |                                     |                      |                                                |                                                 |
|          | Trung tâm Nước sạch nông thôn và kiểm<br>định, kiểm nghiệm | 81                                                   |                          | 81                      |                                                        |                      |                                      |                                     |                      |                                                |                                                 |
|          | Trung tâm Phát triển Nông lâm nghiệp<br>Vĩnh Phúc          | 236                                                  |                          | 236                     |                                                        |                      |                                      |                                     |                      |                                                |                                                 |
|          | Chi cục Nông nghiệp và PTNT                                | 63                                                   |                          | 63                      |                                                        |                      |                                      |                                     |                      |                                                |                                                 |
|          | Trung tâm Khuyến nông                                      | 230                                                  |                          | 230                     |                                                        |                      |                                      |                                     |                      |                                                |                                                 |
|          | Văn phòng đăng ký đất đai                                  | 43                                                   |                          | 43                      |                                                        |                      |                                      |                                     |                      |                                                |                                                 |
| <b>6</b> | <b>Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch</b>                     | <b>320</b>                                           |                          |                         |                                                        |                      | <b>202</b>                           | <b>118</b>                          |                      |                                                |                                                 |
|          | Nhà hát nghệ thuật tỉnh                                    | 123                                                  |                          |                         |                                                        |                      | 123                                  |                                     |                      |                                                |                                                 |
|          | Bảo tàng tỉnh                                              | 22                                                   |                          |                         |                                                        |                      | 22                                   |                                     |                      |                                                |                                                 |
|          | Trung Tâm VH TT tỉnh                                       | 30                                                   |                          |                         |                                                        |                      | 30                                   |                                     |                      |                                                |                                                 |
|          | Thư viện tỉnh                                              | 27                                                   |                          |                         |                                                        |                      | 27                                   |                                     |                      |                                                |                                                 |
|          | Trung tâm Huấn luyện và thi đấu thể<br>thao tỉnh           | 118                                                  |                          |                         |                                                        |                      |                                      | 118                                 |                      |                                                |                                                 |

| TT | Đơn vị                                               | Thu hồi nộp<br>Ngân sách<br>cấp tỉnh<br>(Triệu đồng) | Trong đó                 |                         |                                                        |                      |                                      |                                     |                      |                                                |                                                 |
|----|------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|--------------------------|-------------------------|--------------------------------------------------------|----------------------|--------------------------------------|-------------------------------------|----------------------|------------------------------------------------|-------------------------------------------------|
|    |                                                      |                                                      | Quản<br>lý hành<br>chính | Sự<br>nghiệp<br>kinh tế | Sự<br>nghiệp<br>giáo dục,<br>đào tạo<br>và dạy<br>nghề | Đảm<br>bảo xã<br>hội | Sự<br>nghiệp<br>văn hóa<br>thông tin | Sự<br>nghiệp<br>thể dục<br>thể thao | Sự<br>nghiệp<br>y tế | Sự<br>nghiệp<br>khoa<br>học và<br>công<br>nghệ | Sự<br>nghiệp<br>phát<br>thanh<br>truyền<br>hình |
| 7  | <b>Sở Y tế</b>                                       | <b>678</b>                                           |                          |                         |                                                        |                      |                                      |                                     | <b>678</b>           |                                                |                                                 |
|    | Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh                    | 489                                                  |                          |                         |                                                        |                      |                                      |                                     | 489                  |                                                |                                                 |
|    | Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh | 70                                                   |                          |                         |                                                        |                      |                                      |                                     | 70                   |                                                |                                                 |
|    | Trung tâm Giám định y khoa - Pháp y                  | 119                                                  |                          |                         |                                                        |                      |                                      |                                     | 119                  |                                                |                                                 |
| 8  | <b>Trường Cao đẳng Vĩnh Phúc</b>                     | <b>577</b>                                           |                          |                         | <b>577</b>                                             |                      |                                      |                                     |                      |                                                |                                                 |
| 9  | <b>Tỉnh đoàn Vĩnh Phúc</b>                           | <b>20</b>                                            |                          |                         |                                                        |                      | <b>20</b>                            |                                     |                      |                                                |                                                 |
|    | Trung tâm Hoạt động thanh thiếu nhi tỉnh             | 20                                                   |                          |                         |                                                        |                      | 20                                   |                                     |                      |                                                |                                                 |
| 10 | <b>Thanh tra tỉnh</b>                                | <b>19</b>                                            |                          | <b>19</b>               |                                                        |                      |                                      |                                     |                      |                                                |                                                 |
|    | Trung tâm Thông tin, tư liệu thanh tra               | 19                                                   |                          | 19                      |                                                        |                      |                                      |                                     |                      |                                                |                                                 |
| 11 | <b>Trường Chính trị tỉnh</b>                         | <b>87</b>                                            |                          |                         | <b>87</b>                                              |                      |                                      |                                     |                      |                                                |                                                 |
| 12 | <b>Sở Tài chính</b>                                  | <b>27</b>                                            |                          | <b>27</b>               |                                                        |                      |                                      |                                     |                      |                                                |                                                 |
|    | Trung tâm Nghiên cứu và tư vấn đầu tư tỉnh           | 27                                                   |                          | 27                      |                                                        |                      |                                      |                                     |                      |                                                |                                                 |
| 13 | <b>Sở Giáo dục và Đào tạo</b>                        | <b>7.125</b>                                         | <b>33</b>                |                         | <b>7.092</b>                                           |                      |                                      |                                     |                      |                                                |                                                 |
|    | Văn phòng Sở                                         | 33                                                   | 33                       |                         |                                                        |                      |                                      |                                     |                      |                                                |                                                 |
|    | Trường THPT Nguyễn Thái Học                          | 213                                                  |                          |                         | 213                                                    |                      |                                      |                                     |                      |                                                |                                                 |

| TT | Đơn vị                      | Thu hồi nộp<br>Ngân sách<br>cấp tỉnh<br>(Triệu đồng) | Trong đó                 |                       |                                                      |                      |                                    |                                   |                    |                                              |                                               |
|----|-----------------------------|------------------------------------------------------|--------------------------|-----------------------|------------------------------------------------------|----------------------|------------------------------------|-----------------------------------|--------------------|----------------------------------------------|-----------------------------------------------|
|    |                             |                                                      | Quản<br>lý hành<br>chính | Sự<br>nghị<br>kinh tế | Sự<br>nghị<br>giáo dục,<br>đào tạo<br>và dạy<br>nghề | Đảm<br>bảo xã<br>hội | Sự<br>nghị<br>văn hóa<br>thông tin | Sự<br>nghị<br>thể dục<br>thể thao | Sự<br>nghị<br>y tế | Sự<br>nghị<br>khoa<br>học và<br>công<br>nghệ | Sự<br>nghị<br>phát<br>thanh<br>truyền<br>hình |
|    | Trường THPT Trần Phú        | 311                                                  |                          |                       | 311                                                  |                      |                                    |                                   |                    |                                              |                                               |
|    | Trường THPT Vĩnh Yên        | 213                                                  |                          |                       | 213                                                  |                      |                                    |                                   |                    |                                              |                                               |
|    | Trường THPT Bến Tre         | 248                                                  |                          |                       | 248                                                  |                      |                                    |                                   |                    |                                              |                                               |
|    | Trường THPT Hai Bà Trưng    | 251                                                  |                          |                       | 251                                                  |                      |                                    |                                   |                    |                                              |                                               |
|    | Trường THPT Xuân Hoà        | 209                                                  |                          |                       | 209                                                  |                      |                                    |                                   |                    |                                              |                                               |
|    | Trường THPT Bình Xuyên      | 302                                                  |                          |                       | 302                                                  |                      |                                    |                                   |                    |                                              |                                               |
|    | Trường THPT Quang Hà        | 186                                                  |                          |                       | 186                                                  |                      |                                    |                                   |                    |                                              |                                               |
|    | Trường THPT Võ Thị Sáu      | 144                                                  |                          |                       | 144                                                  |                      |                                    |                                   |                    |                                              |                                               |
|    | Trường THPT Tam Đảo         | 210                                                  |                          |                       | 210                                                  |                      |                                    |                                   |                    |                                              |                                               |
|    | Trường THPT Tam Dương       | 258                                                  |                          |                       | 258                                                  |                      |                                    |                                   |                    |                                              |                                               |
|    | Trường THPT Tam Dương II    | 151                                                  |                          |                       | 151                                                  |                      |                                    |                                   |                    |                                              |                                               |
|    | Trường THPT Trần Hưng Đạo   | 147                                                  |                          |                       | 147                                                  |                      |                                    |                                   |                    |                                              |                                               |
|    | Trường THPT Liễn Sơn        | 218                                                  |                          |                       | 218                                                  |                      |                                    |                                   |                    |                                              |                                               |
|    | Trường THPT Ngô Gia Tự      | 413                                                  |                          |                       | 413                                                  |                      |                                    |                                   |                    |                                              |                                               |
|    | Trường THPT Trần Nguyên Hãn | 142                                                  |                          |                       | 142                                                  |                      |                                    |                                   |                    |                                              |                                               |
|    | Trường THPT Bình Sơn        | 187                                                  |                          |                       | 187                                                  |                      |                                    |                                   |                    |                                              |                                               |

| TT        | Đơn vị                       | Thu hồi nộp<br>Ngân sách<br>cấp tỉnh<br>(Triệu đồng) | Trong đó                 |                       |                                                      |                      |                                    |                                   |                    |                                              |                                               |
|-----------|------------------------------|------------------------------------------------------|--------------------------|-----------------------|------------------------------------------------------|----------------------|------------------------------------|-----------------------------------|--------------------|----------------------------------------------|-----------------------------------------------|
|           |                              |                                                      | Quản<br>lý hành<br>chính | Sự<br>nghị<br>kinh tế | Sự<br>nghị<br>giáo dục,<br>đào tạo<br>và dạy<br>nghề | Đảm<br>bảo xã<br>hội | Sự<br>nghị<br>văn hóa<br>thông tin | Sự<br>nghị<br>thể dục<br>thể thao | Sự<br>nghị<br>y tế | Sự<br>nghị<br>khoa<br>học và<br>công<br>nghệ | Sự<br>nghị<br>phát<br>thanh<br>truyền<br>hình |
|           | Trường THPT Sáng Sơn         | 147                                                  |                          |                       | 147                                                  |                      |                                    |                                   |                    |                                              |                                               |
|           | Trường THPT Đội Cấn          | 372                                                  |                          |                       | 372                                                  |                      |                                    |                                   |                    |                                              |                                               |
|           | Trường THPT Lê Xoay          | 313                                                  |                          |                       | 313                                                  |                      |                                    |                                   |                    |                                              |                                               |
|           | Trường THPT Nguyễn Viết Xuân | 266                                                  |                          |                       | 266                                                  |                      |                                    |                                   |                    |                                              |                                               |
|           | Trường THPT Nguyễn Thị Giang | 268                                                  |                          |                       | 268                                                  |                      |                                    |                                   |                    |                                              |                                               |
|           | Trường THPT Đồng Đậu         | 197                                                  |                          |                       | 197                                                  |                      |                                    |                                   |                    |                                              |                                               |
|           | Trường THPT Phạm Công Bình   | 174                                                  |                          |                       | 174                                                  |                      |                                    |                                   |                    |                                              |                                               |
|           | Trường THPT Yên Lạc          | 282                                                  |                          |                       | 282                                                  |                      |                                    |                                   |                    |                                              |                                               |
|           | Trường THPT Yên Lạc II       | 235                                                  |                          |                       | 235                                                  |                      |                                    |                                   |                    |                                              |                                               |
|           | Trường THPT Sông Lô          | 100                                                  |                          |                       | 100                                                  |                      |                                    |                                   |                    |                                              |                                               |
|           | Trường THPT Văn Quán         | 112                                                  |                          |                       | 112                                                  |                      |                                    |                                   |                    |                                              |                                               |
|           | Trường THPT Nguyễn Duy Thi   | 105                                                  |                          |                       | 105                                                  |                      |                                    |                                   |                    |                                              |                                               |
|           | Trường THPT Chuyên Vĩnh Phúc | 711                                                  |                          |                       | 711                                                  |                      |                                    |                                   |                    |                                              |                                               |
|           | Trung tâm GDTX tỉnh          | 6                                                    |                          |                       | 6                                                    |                      |                                    |                                   |                    |                                              |                                               |
| <b>14</b> | <b>Văn phòng Tỉnh ủy</b>     | <b>99</b>                                            |                          |                       |                                                      |                      | <b>99</b>                          |                                   |                    |                                              |                                               |
|           | Báo Vĩnh Phúc (VHTT)         | 99                                                   |                          |                       |                                                      |                      | 99                                 |                                   |                    |                                              |                                               |